

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT
NAM VIET CORPORATION

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

CÔNG
TY CP
NAM
VIỆT

Digitally signed by
CÔNG TY CP NAM VIỆT
DN: C=VN, S=AN
GIANG, L=Long Xuyên,
CN=CÔNG TY CP NAM
VIỆT,
OID.0.9.2342.19200300,
100.1.1,
MSI:1600168736
Reason: I am the author
of this document
Location:
Date: 2026.01.22
10:22:12+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 2025.1.0

Số/No.: 49 /CV-KTTC

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2026
An Giang, dated Jan 22, 2026

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế
hợp nhất quý IV/2025 so với cùng kỳ năm trước /

Ref: "Explanation of the difference in net profit after tax in the consolidated financial
statements for Q4 2025 compared to the same period last year"

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/Ho Chi Minh Stock Exchange

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi
nhuận sau thuế hợp nhất quý IV/2025 so với cùng kỳ năm trước như sau: / Nam Viet
Corporation (Stock symbol: ANV) explains the difference in net profit after tax of the
consolidated financial statements for Q4 2025 compared to the same period last year as follows:

Trong quý IV/2025, công ty đạt được những kết quả như sau/ In Q4/2025, the
Company achieved the following business results:

- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý IV/2025 lãi 251 tỷ đồng, tăng 245 tỷ đồng so
với cùng kỳ năm trước/ Consolidated profit after tax in Q4/2025 reached VND 251 billion,
an increase of VND 245 billion compared to the same period last year.

- Doanh thu thuần hợp nhất quý IV/2025 đạt 2.119 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng
kỳ năm trước do sản lượng tăng, giá bán tăng. Bên cạnh đó giá vốn giảm. Dẫn đến lợi
nhuận gộp tăng 286 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước./ Consolidated net revenue in
Q4/2025 reached VND 2119 billion, representing a 56% increase compared to the same period
last year, driven by increases in sales volume and selling prices. In addition, cost of goods sold
decreased. Consequently, gross profit increased by VND 286 billion compared to the same
period last year.

- Doanh thu tài chính tăng 4 tỷ đồng, đồng thời chi phí lãi vay giảm 4 tỷ đồng so
với cùng kỳ năm trước/ Financial income increased by VND 4 billion, while interest expenses
decreased by VND 4 billion compared to the same period last year.



Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết/ *We hereby explain to you and our valued shareholders.*

Trân trọng kính chào/ *Yours faithfully,*

Nơi nhận/To:

- Như trên/*As above*
- Ban TGD/ *The BoM*
- Lưu VT/*To be filed*

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
SIGNED FOR GENERAL DIRECTOR**

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
(Dạng đầy đủ)

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,476,485,727,551	2,585,543,414,472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	45,722,178,140	219,090,199,195
1. Tiền	111		34,061,077,001	53,490,199,195
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,661,101,139	165,600,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		602,446,094,366	56,058,725,174
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	602,446,094,366	56,058,725,174
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,258,074,587,441	551,733,574,259
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1,044,635,313,575	517,702,281,862
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	190,812,192,261	47,959,359,882
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	216,014,506	234,718,093
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	58,982,267,280	27,278,200,658
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(36,571,200,181)	(44,138,865,762)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2,697,879,526
IV. Hàng tồn kho	140		1,421,516,166,777	1,653,282,219,581
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1,437,598,361,571	1,683,573,590,902
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.8	(16,082,194,794)	(30,291,371,321)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		148,726,700,827	105,378,696,263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48,268,943,817	30,128,189,519
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		100,457,757,010	75,250,506,744
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2,348,229,739,323	2,276,727,103,433
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		34,470,215,000	67,348,629,277
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	38,300,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	34,470,215,000	67,310,329,277
II. Tài sản cố định	220		1,102,107,620,611	1,073,395,596,112
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	489,153,088,550	311,948,526,359
- Nguyên giá	222		1,725,558,194,119	1,453,709,267,825
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,236,405,105,569)	(1,141,760,741,466)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	279,037,917,629	421,782,092,255
- Nguyên giá	225		384,853,529,281	521,881,145,505
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(105,815,611,652)	(100,099,053,250)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	333,916,614,432	339,664,977,498
- Nguyên giá	228		375,235,022,868	375,235,022,868
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(41,318,408,436)	(35,570,045,370)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		446,571,890,566	974,419,923,154
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	446,571,890,566	974,419,923,154

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		68,601,470,338	67,794,651,510
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	61,660,931,313	60,892,542,473
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,304,000,000	20,304,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2c	(13,363,460,975)	(13,401,890,963)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		696,478,542,808	93,768,303,380
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	691,559,598,284	86,306,890,066
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	4,918,944,524	7,461,413,314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5,824,715,466,874	4,862,270,517,905
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,297,846,759,468	2,068,623,925,072
I. Nợ ngắn hạn	310		2,230,874,234,646	1,943,670,022,007
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	315,489,462,981	150,196,745,195
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	27,412,520,128	33,112,132,226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	151,281,511,184	33,049,349,555
4. Phải trả người lao động	314	V.18	87,358,582,685	49,539,215,353
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	29,012,941,756	17,156,150,464
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1,678,118,897	1,537,890,276
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	18,019,966,812	34,132,742,479
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	1,600,292,650,898	1,624,469,317,154
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.22	328,479,305	476,479,305
II. Nợ dài hạn	330		66,972,524,822	124,953,903,065
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		12,019,722,618	12,582,066,570
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	53,171,320,060	110,561,009,109
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.23	1,781,482,144	1,810,827,386
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,526,868,707,406	2,793,646,592,833
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.24	3,526,868,707,406	2,793,646,592,833
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,666,675,000,000	2,666,675,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,666,675,000,000	2,666,675,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		866,292,128,154	133,070,013,581
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	133,070,013,581
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		866,292,128,154	-
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5,824,715,466,874	4,862,270,517,905

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý IV Năm 2025

Đơn vị tính : *Đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2,128,355,118,628	1,368,682,928,274	6,992,490,669,181	4,939,111,900,770
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	9,424,683,345	7,859,834,682	40,982,410,816	27,845,927,857
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2,118,930,435,283	1,360,823,093,592	6,951,508,258,365	4,911,265,972,913
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,693,546,716,357	1,222,183,723,943	5,328,575,951,004	4,350,893,868,111
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		425,383,718,926	138,639,369,649	1,622,932,307,361	560,372,104,802
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	18,102,283,267	14,212,851,162	50,364,302,461	32,616,939,987
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	20,307,753,322	23,559,258,822	73,622,297,697	103,483,384,141
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17,992,051,897	21,907,206,275	68,099,345,481	91,346,541,557
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		907,047,508	(1,994,963,699)	768,388,840	(4,085,674,940)
9 Chi phí bán hàng	25	VI.6	113,633,499,212	94,978,099,346	378,621,556,607	280,323,845,208
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	15,259,573,687	21,186,913,600	71,899,249,428	85,814,451,161
11 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		295,192,223,480	11,132,985,344	1,149,921,894,930	119,281,689,339
12 Thu nhập khác	31	VI.8	885,050,461	4,184,556,288	6,180,155,212	15,229,153,460
13 Chi phí khác	32	VI.9	1,225,015,376	1,530,121,363	3,812,331,292	55,997,256,641
14 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(339,964,915)	2,654,434,925	2,367,823,920	(40,768,103,181)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		294,852,258,565	13,787,420,269	1,152,289,718,850	78,513,586,158
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.17	41,390,517,085	5,776,652,531	150,298,730,729	25,509,970,957
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.23, V.14	1,890,862,962	2,096,440,674	2,513,123,548	5,171,441,554
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		251,570,878,518	5,914,327,064	999,477,864,573	47,832,173,647
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		251,570,878,518	5,914,327,064	999,477,864,573	47,832,173,647
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	945	39	3,754	179
22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		945	39	3,754	179

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2026



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý IV Năm 2025

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		6,434,973,904,492	4,833,620,379,254
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4,648,159,827,413)	(3,157,580,859,837)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(692,176,203,687)	(553,377,515,239)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(67,977,841,396)	(92,511,654,929)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(27,733,643,199)	(53,040,181,419)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		60,639,846,492	148,736,310,505
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(157,282,359,912)	(251,681,957,670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		902,283,875,377	874,164,520,665
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(206,724,187,640)	(154,103,954,774)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		19,135,144,000	25,497,460,709
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(837,270,000,000)	(56,460,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		291,000,577,183	67,830,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,780,201,146	2,644,635,893
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(726,078,265,311)	(114,591,858,172)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33		4,719,501,707,485	4,012,543,059,998
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4,679,610,633,916)	(4,381,711,516,326)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(140,241,214,588)	(110,537,855,723)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(253,446,049,250)	(102,745,436,175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(353,796,190,269)	(582,451,748,226)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(177,590,580,203)	177,120,914,267
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	219,090,199,195	39,671,072,278
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4,222,559,148	2,298,212,650
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	V.1	45,722,178,140	219,090,199,195

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2026



Tổng Giám đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Minh Cảnh

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Lô A4, Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

1687
NG T
CP
MV
YÊN -

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 – 18

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 – 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

18. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Công ty và Điện lực.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.
- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.525.654.580	397.752.286
Tiền gửi ngân hàng	32.535.422.421	53.092.446.909
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	11.661.101.139	165.600.000.000
Cộng	<u>45.722.178.140</u>	<u>219.090.199.195</u>

Khoản tương đương tiền 11.661.101.139 VND đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.21), và thực hiện hợp đồng với các nhà cung cấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	602.446.094.366	56.058.725.174
Cộng	<u>602.446.094.366</u>	<u>56.058.725.174</u>

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 246.246.094.366 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited và Ngân hàng TMCP Quân đội (xem thuyết minh V.21), và thực hiện hợp đồng với Điện Lực Châu Phú.

2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(7.579.068.687)	(8.347.457.527)
Cộng	<u>61.660.931.313</u>	<u>60.892.542.473</u>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	60.892.542.473	64.978.217.413
Phần lãi/lỗ trong kỳ	768.388.840	(4.085.674.940)
Số cuối kỳ	<u>61.660.931.313</u>	<u>60.892.542.473</u>

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt hoạt động bình thường.

Giao dịch với công ty liên doanh

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê	115.740.744	248.740.744
Doanh thu bán thành phẩm	24.423.533.200	10.845.309.000
Mua nguyên liệu	3.149.933.867	1.306.980.268
Chi phí lò hơi	1.170.438.720	487.593.238

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Cromit				
Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.363.460.975)	20.304.000.000	(13.401.890.963)
Cộng	20.304.000.000	(13.363.460.975)	20.304.000.000	(13.401.890.963)

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	13.401.890.963	13.465.774.820
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(38.429.988)	(63.883.857)
Số cuối kỳ	13.363.460.975	13.401.890.963

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	5.659.459.041	3.655.519.681
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	475.389.866
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	5.659.459.041	3.180.129.815
Phải thu các khách hàng khác	1.038.975.854.534	514.046.762.181
Các khách hàng nước ngoài	938.442.259.419	436.920.041.958
Các khách hàng trong nước	100.533.595.115	77.126.720.223
Cộng	1.044.635.313.575	517.702.281.862

Khoản phải thu có giá trị 210.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. (xem thuyết minh V.21).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	10.460.202.591	1.673.934.815
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	113.637.465.169	23.879.273.651
Các nhà cung cấp trong nước khác	66.714.524.501	22.406.151.416
Cộng	190.812.192.261	47.959.359.882

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho các cá nhân vay ngắn hạn	216.014.506	234.718.093
Cộng	216.014.506	234.718.093

6. Phải thu khác**6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	4.022.784.981	-	4.188.801.441	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.941.159.905	-	873.202.635	-
Tiền lãi cho vay	9.688.596	-	5.648.667	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.718.955.703	-	135.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.289.678.095	(905.633.550)	22.075.547.915	(949.133.550)
Cộng	58.982.267.280	(905.633.550)	27.278.200.658	(949.133.550)

6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	34.470.215.000	67.038.885.277
Phải thu tiền bồi thường do vận chuyển thất thoát cá	-	271.444.000
Cộng	34.470.215.000	67.310.329.277

7. Nợ xấu

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng		39.608.793.101	3.943.226.470		49.916.635.481	8.965.418.937
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		-	-	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	7.608.900.000	5.326.230.000
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	7.608.900.000	-	3.804.450.000	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	462.588.234	231.294.117
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	26.797.368.354	-	138.776.470	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	36.642.622.500	3.407.894.820
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	5.202.524.747	-	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	5.202.524.747	-
Phải thu khác		921.633.550	16.000.000		4.163.013.076	975.363.858
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		20.000.000	10.000.000	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	20.000.000	10.000.000
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	20.000.000	-	6.000.000	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	520.000.000	156.000.000
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	11.000.000	-	-	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	2.697.879.526	809.363.858
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	870.633.550	-	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	925.133.550	-
Cộng		40.530.426.651	3.959.226.470		54.079.648.557	9.940.782.795

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	44.138.865.762	42.315.950.065
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng bổ sung	(5.679.149.913)	7.230.262.341
Xóa nợ	(1.888.515.668)	(5.407.346.644)
Số cuối kỳ	<u>36.571.200.181</u>	<u>44.138.865.762</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	4.841.846.100	-	3.449.972.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	663.619.207.958	-	607.195.955.131	-
Công cụ, dụng cụ	10.512.892.477	-	7.140.585.586	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	233.078.045.587	-	499.977.909.657	-
Thành phẩm	525.540.515.674	(16.082.194.794)	522.819.395.820	(28.881.245.993)
Hàng hóa	5.853.775	-	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-	42.989.772.708	(1.410.125.328)
Cộng	<u>1.437.598.361.571</u>	<u>(16.082.194.794)</u>	<u>1.683.573.590.902</u>	<u>(30.291.371.321)</u>

Hàng tồn kho có trị giá 243.816.319.587 VND (số đầu năm là 421.640.622.017 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (Xem thuyết minh V.21).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	30.291.371.321	16.866.054.024
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	(14.209.176.527)	13.425.317.297
Số cuối kỳ	<u>16.082.194.794</u>	<u>30.291.371.321</u>

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	-	1.068.733.336
Công cụ, dụng cụ	8.559.910.437	4.879.334.877
Chi phí sửa chữa, phụ tùng thay thế	10.092.984.914	8.154.709.610
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.616.048.466	16.025.411.696
Cộng	<u>48.268.943.817</u>	<u>30.128.189.519</u>

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	635.994.286.574	50.594.830.814
Công cụ, dụng cụ	12.775.522.185	860.613.903
Chi phí sửa chữa	10.314.869.400	13.217.785.789
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	14.848.920.628	16.215.598.813
Các chi phí trả trước dài hạn khác	17.625.999.497	5.418.060.747
Cộng	<u>691.559.598.284</u>	<u>86.306.890.066</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	382.299.972.725	795.879.124.002	136.812.633.763	21.320.621.079	117.396.916.256	1.453.709.267.825
Mua trong kỳ	-	80.336.560.496	38.482.058.071	3.098.092.370	-	121.916.710.937
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15.244.482.283	10.181.195.300	2.507.545.381	-	8.463.742.521	36.396.965.485
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	165.620.258.042	-	-	-	165.620.258.042
Giảm khác	-	-	-	-	(56.710.950)	(56.710.950)
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.307.546)	(26.409.610.381)	(22.953.561.111)	-	(62.818.182)	(52.028.297.220)
Số cuối kỳ	394.942.147.462	1.025.607.527.459	154.848.676.104	24.418.713.449	125.741.129.645	1.725.558.194.119
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	257.479.681.904	461.479.866.841	58.200.453.833	7.900.816.631	27.620.684.975	812.681.504.184
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	323.703.661.055	641.098.275.620	100.446.093.214	14.792.441.198	61.720.270.379	1.141.760.741.466
Khấu hao trong kỳ	11.179.665.107	39.392.881.738	13.373.393.103	2.213.889.884	7.490.477.046	73.650.306.878
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	49.986.933.457	-	-	-	49.986.933.457
Giảm khác	-	-	-	-	(56.710.950)	(56.710.950)
Thanh lý, nhượng bán	(2.602.307.546)	(25.216.783.991)	(1.054.255.563)	-	(62.818.182)	(28.936.165.282)
Số cuối kỳ	332.281.018.616	705.261.306.824	112.765.230.754	17.006.331.082	69.091.218.293	1.236.405.105.569
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.596.311.670	154.780.848.382	36.366.540.549	6.528.179.881	55.676.645.877	311.948.526.359
Số cuối kỳ	62.661.128.846	320.346.220.635	42.083.445.350	7.412.382.367	56.649.911.352	489.153.088.550
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	433.251.208.386	88.629.937.119	521.881.145.505
Thuê tài chính trong kỳ	-	22.592.641.818	22.592.641.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(165.620.258.042)	-	(165.620.258.042)
Số cuối kỳ	267.630.950.344	117.222.578.937	384.853.529.281

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	93.809.958.133	6.289.095.117	100.099.053.250
Khấu hao trong kỳ	36.823.889.069	18.879.602.790	55.703.491.859
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(49.986.933.457)	-	(49.986.933.457)
Số cuối kỳ	80.646.913.745	25.168.697.907	105.815.611.652

Giá trị còn lại

Số đầu năm	339.441.250.253	82.340.842.002	421.782.092.255
Số cuối kỳ	186.984.036.599	92.053.881.030	279.037.917.629

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
Số cuối kỳ	374.954.031.868	280.991.000	375.235.022.868
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	35.289.054.370	280.991.000	35.570.045.370
Khấu hao trong kỳ	5.748.363.066	-	5.748.363.066
Số cuối kỳ	41.037.417.436	280.991.000	41.318.408.436
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	339.664.977.498	-	339.664.977.498
Số cuối kỳ	333.916.614.432	-	333.916.614.432
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 93.201.995.356 VND (số đầu năm 95.647.250.410 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.21).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	95.970.161.003	103.260.670.751	(46.928.862.590)	-	152.301.969.164
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	874.160.445.847	83.096.540.194	(35.879.185.690)	(631.226.475.759)	290.151.324.592
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	649.047.446.813	59.229.451.643	(31.783.320.542)	(630.317.727.020)	46.175.850.894
<i>Tiền mua đất (*)</i>	614.923.710.739	15.156.619.308	-	(630.057.661.047)	22.669.000
<i>Chi phí xây dựng các hạng mục công trình</i>	29.328.008.448	36.979.169.778	(22.783.429.121)	(260.065.973)	43.263.683.132
<i>Chi phí đào ao</i>	4.795.727.626	7.093.662.557	(8.999.891.421)	-	2.889.498.762

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	209.428.754.654	-	-	-	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	4.062.537.873	12.124.237.853	(187.442.798)	(20.346.838)	15.978.986.090
Nhà máy đông lạnh	3.609.290.241	6.391.059.602	(3.753.654.911)	(471.653.256)	5.775.041.676
Các hạng mục khác	8.012.416.266	5.351.791.096	(154.767.439)	(416.748.645)	12.792.691.278
Sửa chữa lớn tài sản cố định	4.289.316.304	14.239.993.804	(5.820.759.795)	(8.589.953.503)	4.118.596.810
Cộng	974.419.923.154	200.597.204.749	(88.628.808.075)	(639.816.429.262)	446.571.890.566

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	7.461.413.314	11.738.233.698
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(2.542.468.790)	(4.276.820.384)
Số cuối kỳ	4.918.944.524	7.461.413.314

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% - 15% - 20%.

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	14.543.625.576	5.701.818.145
Công ty TNHH Đại Tây Dương	14.543.625.576	5.701.818.145
Phải trả các nhà cung cấp khác	300.945.837.405	144.494.927.050
Các nhà cung cấp nước ngoài	11.144.834.073	809.136.501
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	23.479.394.639	13.722.716.736
Các nhà cung cấp trong nước	266.321.608.693	129.963.073.813
Cộng	315.489.462.981	150.196.745.195

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng nước ngoài	17.110.252.019	26.807.846.367
Các khách hàng trong nước	10.302.268.109	6.304.285.859
Cộng	27.412.520.128	33.112.132.226

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ Phải nộp</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.343.385.097	13.134.030.756	(15.145.026.322)	332.389.531
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.312.315.446	(3.312.315.446)	-
Thuế nhập khẩu	-	886.719.621	(886.719.621)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.960.212.173	150.298.730.729	(28.894.429.522)	150.364.513.380

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ Phải nộp
Thuế thu nhập cá nhân	1.611.853.235	16.901.428.930	(18.071.894.458)	441.387.707
Thuế tài nguyên	13.382.384	159.149.948	(158.128.432)	14.403.900
Tiền thuế đất	120.516.666	132.102.124	(132.102.124)	120.516.666
Các loại thuế khác	-	146.105.500	(137.805.500)	8.300.000
Cộng	33.049.349.555	184.970.583.054	(66.738.421.425)	151.281.511.184

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu	Không chịu thuế
+ Tập đoàn tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	5%
+ Tập đoàn mua ngoài bán cho tổ chức, cá nhân	8%-10%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	8%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Nghị định 320/2025/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 15 tháng 12 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 thì thu nhập từ hoạt động chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% kể từ kỳ tính thuế năm 2025.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	150.387.238.688	25.961.931.673
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	(88.507.959)	(451.960.716)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	150.298.730.729	25.509.970.957

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³ x 8%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

18. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	3.794.553.438	2.833.026.604
Chi phí cước tàu	2.371.292.300	2.189.774.970
Chi phí hoa hồng môi giới	16.626.896.221	8.822.371.844
Chi phí kiểm nghiệm	480.464.000	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.739.735.797	3.310.977.046
Cộng	<u>29.012.941.756</u>	<u>17.156.150.464</u>

20. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	14.966.219.180
Thu hộ Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	14.966.219.180
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18.019.966.812	19.166.523.299
Lãi vay phải trả	-	883.444.782
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	10.274.547.167	9.686.532.387
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	937.530.000	1.508.480.000
Cổ tức phải trả	2.300.332.899	2.123.628.899
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.507.556.746	4.964.437.231
Cộng	<u>18.019.966.812</u>	<u>34.132.742.479</u>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

21. Vay và nợ thuê tài chính

21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.548.827.710.943	1.487.952.036.593
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(a)	483.453.594.843	388.182.461.381
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	399.309.034.549	299.585.856.489
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(c)	107.244.230.252	156.306.667.506
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội ^(d)	182.521.800.218	37.044.376.661
Vay Ngân hàng BPCE IOM ^(e)	65.263.746.000	9.676.568.075
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam ^(f)	83.743.892.500	45.084.546.620
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) ^(g)	92.573.115.975	85.111.599.951
Vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad	-	159.287.911.290
Vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank	-	116.503.147.760
Vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited ^(h)	134.718.296.606	191.168.900.860

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	4.315.308.210
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	-	9.999.999.996
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	51.464.939.955	122.201.972.355
Cộng	1.600.292.650.898	1.624.469.317.154

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.8) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12)
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (c) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).
- (e) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2)
- (f) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2) và bảo lãnh cá nhân của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2), khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.12).
- (h) Khoản vay Ngân hàng The Siam Commercial Bank Public Company Limited để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.487.952.036.593	5.200.454.635.568	-	(5.139.578.961.218)	1.548.827.710.943
Vay ngắn hạn các tổ chức	4.315.308.210	-	-	(4.315.308.210)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	9.999.999.996	-	-	(9.999.999.996)	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	122.201.972.355	-	63.032.087.196	(133.769.119.596)	51.464.939.955
Cộng	1.624.469.317.154	5.200.454.635.568	63.032.087.196	(5.287.663.389.020)	1.600.292.650.898

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn cá nhân ⁽ⁱ⁾	150.000.000	150.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	-	6.666.666.684
Vay Ngân hàng UOB	-	6.666.666.684
Nợ thuê tài chính	53.021.320.060	103.744.342.425
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	17.770.096.711	36.580.322.774
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị	-	18.356.051.973
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị	-	1.061.632.630
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	12.868.526.428	14.725.217.047
Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua máy móc thiết bị	22.382.696.921	33.021.118.001
Cộng	53.171.320.060	110.561.009.109

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối kỳ				
Vay dài hạn ngân hàng	-	-	-	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	104.486.260.015	51.464.939.955	53.021.320.060	-
Cộng	104.636.260.015	51.464.939.955	53.171.320.060	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	16.666.666.680	9.999.999.996	6.666.666.684	-
Vay dài hạn các cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	225.946.314.780	122.201.972.355	103.744.342.425	-
Cộng	242.762.981.460	132.201.972.351	110.561.009.109	-

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	6.666.666.684	-	(6.666.666.684)	-	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	103.744.342.425	28.151.906.000	(15.842.841.169)	(63.032.087.196)	53.021.320.060
Cộng	110.561.009.109	28.151.906.000	(22.509.507.853)	(63.032.087.196)	53.171.320.060

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	312.848.145	-	(148.000.000)	164.848.145
Cộng	476.479.305	-	(148.000.000)	328.479.305

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.810.827.386	916.206.216
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(29.345.242)	894.621.170
Số cuối kỳ	1.781.482.144	1.810.827.386

24. Vốn chủ sở hữu

24a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

24b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	1.466.100.000.000	1.436.100.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	295.839.000.000	343.200.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	1.419.980.000	1.419.980.000
Các cổ đông khác	899.198.520.000	881.837.520.000
Cộng	2.662.557.500.000	2.662.557.500.000

24c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	266.667.500	266.667.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu phổ thông	266.667.500	266.667.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu phổ thông	266.255.750	266.255.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

25a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	563.540,44	99.651,07
Euro (EUR)	2.802,97	2.821,04
Dollar Úc (AUD)	153,16	772,28
Rub Nga (RUB)	1.629,59	2.952,31

26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	9.718.204,85	188.579.975.866	9.718.204,85	188.579.975.866
Khách hàng trong nước		24.892.800.723		21.844.921.197
Cộng		213.472.776.589		210.424.897.063

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	2.101.359.527.488	1.337.376.142.028
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	19.943.375.401	24.870.292.633
Doanh thu công trình xây lắp	646.371.661	646.371.660
Doanh thu khác	6.405.844.078	5.790.121.953
Cộng	2.128.355.118.628	1.368.682.928.274

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Đại Tây Dương</i>		
Doanh thu bán điện	1.293.458.001	8.962.158.679

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	1.991.200.420	6.757.236.775
Giảm giá hàng bán	7.433.482.925	1.102.597.907
Cộng	9.424.683.345	7.859.834.682

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.676.463.567.093	1.195.419.408.622
Giá vốn điện mặt trời	6.000.712.502	9.292.845.191
Giá vốn khác	948.229.926	266.025.913
Giá vốn công trình xây lắp	365.199.685	365.199.682
Dự phòng hàng tồn kho	9.769.007.151	16.840.244.535
Cộng	1.693.546.716.357	1.222.183.723.943

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	8.002.336.215	871.221.359
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.663.297	6.659.787
Lãi tiền cho vay	7.112.772	8.786.677
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.460.184.484	10.312.262.558
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.479.935.844	2.037.461.303
Lãi bán hàng trả chậm	4.134.838.638	949.885.063
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.212.017	26.574.415
Cộng	<u>18.102.283.267</u>	<u>14.212.851.162</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.992.051.897	21.907.206.275
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.978.453.024	1.757.920.611
Chi phí tài chính khác	265.406.138	22.254.641
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	71.842.263	(128.122.705)
Cộng	<u>20.307.753.322</u>	<u>23.559.258.822</u>

6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.244.136.425	2.004.341.686
Chi phí vật liệu, bao bì	83.506.444	90.178.245
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.034.219.186	469.204.475
Chi phí hoa hồng	20.769.579.344	19.999.811.644
Chi phí vận chuyển	49.462.711.648	50.956.571.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.924.659.067	16.970.436.620
Các chi phí khác	7.114.687.098	4.487.555.194
Cộng	<u>113.633.499.212</u>	<u>94.978.099.346</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	10.522.458.115	11.405.782.087
Chi phí vật liệu quản lý	474.202.715	444.522.100
Chi phí đồ dùng văn phòng	229.949.846	99.379.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.043.793.931	1.204.689.826
Thuế, phí và lệ phí	1.785.219.750	1.475.148.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.793.319.453	1.361.877.771
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.511.754.433)	1.956.147.322
Các chi phí khác	4.922.384.310	3.239.366.460
Cộng	<u>15.259.573.687</u>	<u>21.186.913.600</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	75.659.698	2.169.154.017
Xử lý công nợ tồn lâu	127.747.464	714.687.472
Thu bồi thường	248.315.753	756.882.412
Thu nhập khác	433.327.546	543.832.387
Cộng	885.050.461	4.184.556.288

9. Chi phí khác

	<u>Quý IV năm nay</u>	<u>Quý IV năm trước</u>
Phạt do vi phạm hành chính	-	20.000.000
Xử lý công nợ tồn lâu	-	1.431.310.093
Chi phí khác	1.225.015.376	78.811.270
Cộng	1.225.015.376	1.530.121.363

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	999.477.864.573	47.832.173.647
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(300.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	999.477.864.573	47.532.173.647
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	266.255.750	266.255.750
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	3.754	179

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Tập đoàn chia cổ tức	146.610.000.000	35.902.500.000
Ông Doãn Chí Thiên		
Tập đoàn chia cổ tức	120.000.000	35.499.500
Tạm ứng	-	100.000.000
Các thành viên quản lý chủ chốt khác		
Tập đoàn chia cổ tức	3.105.800.000	800.250.000
Tạm ứng	1.557.999.000	742.890.000

Các cá nhân liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**Ông Doãn Chí Thanh**

Tập đoàn chia cổ tức

29.528.800.000

8.580.000.000

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank và Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam. (xem thuyết minh số V.21).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám Đốc thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Thuê kho, tiền điện	78.116.075.148	41.068.474.870
Phí sử dụng hạ tầng	1.165.324.507	1.254.726.255
Mua tài sản	4.220.156.960	267.370.000
Thu hộ	195.425.081	39.741.746.621
Khác	3.160.000.000	5.960.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi

Mua sản phẩm, vật tư

-

31.640.400

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý IV năm nay	Quý IV năm trước
Xuất khẩu	1.602.414.898.478	1.021.571.285.780
Trong nước	516.515.536.805	339.251.807.812
Cộng	2.118.930.435.283	1.360.823.093.592

2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 98,7%.

Nguyễn Hà Thu Diễm
Người lập biểu / Kế toán trưởng

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2026



Trần Minh Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

19D Trần Hưng Đạo, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang
BẢO CẢO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2025

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: đồng
Số dư đầu năm trước	1.335.396,250,000	21.489,209,100	(27.587,629,848)	1.486,427,760,870	2.815,725,590,122	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	47,832,173,647	47,832,173,647	
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	1.331,278,750,000	-	-	(1,331,278,750,000)	-	
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(300,000,000)	(300,000,000)	
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	
Điều chuyển vốn về lợi nhuận	-	-	-	(66,563,937,500)	(66,563,937,500)	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ này năm trước	2,666,675,000,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	136,117,247,017	2,796,693,826,269	
Số dư đầu năm nay	2,666,675,000,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	133,070,013,581	2,793,646,592,833	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	999,477,864,573	999,477,864,573	
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	-	-	
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	(266,255,750,000)	(266,255,750,000)	
Số dư cuối kỳ này năm nay	2,666,675,000,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	866,292,128,154	3,526,868,707,406	

An Giang, ngày 22 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Hà Thu Diễm

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh

Phó Tổng Giám đốc